

Số: 638- QĐ/ĐHKHCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học Học kì 1, năm học 2026-2027

- Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (ĐHKHCNHN);
- Căn cứ Quyết định số 540-QĐ/VHLKHCNVN ngày 22/06/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKHCNHN;
- Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/09/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ và Quyết định số 637-QĐ/ĐHKHCN ngày 09/09/2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ;
- Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-ĐHKHCN ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành Quy định đào tạo chương trình liên kết đào tạo cấp song bằng trình độ đại học;
- Căn cứ Quyết định số 724/QĐ-ĐHKHCN ngày 11/08/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo phương thức đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHKHCNHN;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027 với các nội dung như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa chuyên môn, Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ, Trưởng



Bộ môn Khoa học Quản lý và Giáo dục hỗ trợ, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính,
Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Khảo thí và các đơn vị, cá nhân liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- BGH,
- Lưu: VT, QLĐT.HP.

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Đình Phong



No. 638 - QĐ/ĐHKHCN

Ha Noi, September 9th, 2026

DECISION

**On approving the teaching plan of bachelor's programs
for the first semester of the academic year 2026-2027**

- Pursuant to Decision No. 2067/QĐ-TTg dated December 9th, 2009 of the Prime Minister on establishing the University of Science and Technology of Hanoi (USTH);
- Pursuant to Decision No. 540-QĐ/VHLKHCNVN dated June 22nd, 2026 of the President of the Vietnam Academy of Science and Technology on the promulgation of the Regulations on Organization and Operation of USTH;
- Pursuant to Decision No. 837/QĐ-ĐHKHCN dated September 09th, 2025 by the Rector of the USTH on the issuance of undergraduate credit-based academic policies and Decision No. 637/QĐ-ĐHKHCN dated September 09th, 2026 by the Rector of the USTH on supplementation and modification of the Undergraduate Credit-based Academic Policies;
- Pursuant to Decision No. 107/QĐ-ĐHKHCN dated February 22nd, 2023 of the Rector of USTH on the issuance of the Regulation of bachelor's double degree training program;
- Pursuant to Decision No. 724/QĐ-ĐHKHCN dated August 11th, 2025 of the Rector of USTH on the issuance of the credit-based training programs of the bachelor's programs of USTH;
- At the proposals of Director of Department of Academic Affairs,

**RECTOR
OF UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY OF HANOI
DECIDES**

Article 1. To approve the teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027 as detailed in the Annexes promulgated with this Decision.

Article 2. Director of Department of Organization - Personnel - Administration, Director of Department of Academic Affairs, Directors of

academic departments, Director of Foreign Language Center, Head of Division of Management Science and Transversal Education, Head of Accounting and Finance Department, Director of Department of Quality Assurance and Examination and involved units and individuals shall be in charge of implementing this Decision./

Recipients:

- As Article 4,
- RB,
- Archive: Admin, DAA.HP.

PP. RECTOR

VICE RECTOR

(Signed and sealed)

Tran Dinh Phong



PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1, NĂM THỨ NHẤT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 1: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF THE BACHELOR'S PROGRAMS FOR THE ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHKHCN ngày 05/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 188/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 5, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in English	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	MAT1.001	Giải tích 1	4	48	24	24		Lê Hải Khôi, Nguyễn Đình Vũ, Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Huyền Mươi, Phạm Hữu Thuận, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Hà Trang	F+I	MST, BIT, FST, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, CHDD, ICTDD		Trực tiếp và Trực tuyến/ Offline and Online
2	PHY1.001	Vật lý đại cương 1	4	48	28	20		Bộ môn Vật lý	F	MST, BIT, FST, ATE, EER, MET, SST, AES, AMS, SIC, ICT, CS, DS, BITDD, ICTDD	PHA, CH, CHDD	Trực tiếp và Trực tuyến/ Offline and Online
3	MAT1.002	Đại số tuyến tính	4	48	24	24		Trần Hoàng Tùng, Đào Quang Đức, Nguyễn Huyền Mươi, Lê Như Chu Hiệp, Nguyễn Mai Chung, Ngô Văn Lập, Tô Duy Quang	F+I	ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, CHDD, ICTDD		Trực tiếp và Trực tuyến/ Offline and Online
4	ICT1.002	Lập trình cơ bản	4	48	36	12		Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Minh Hương, Tống Sĩ Sơn, Trần Hùng, Trần Đức Minh, Nguyễn Cẩm Linh, Nguyễn Quốc Sơn, Phan Thanh Hiền, Phạm Lê Anh, Phan Anh Tuấn	F+I	ATE, EER, MET, SST, AE, SIC, ICT, MAT, CS, DS, ICTDD	AMS	Trực tiếp và Trực tuyến/ Offline and Online
5	ICT1.001	Tin học cơ sở	3	36	21		15	Phan Thanh Hiền, Vũ Tuấn Anh, Phạm Đức Bình, Nguyễn Xuân Thành, Trần Anh Tú, Nguyễn Quốc Sơn, Phạm Lê Anh, Trịnh Bích Ngọc, Nguyễn Cẩm Linh, Nguyễn Lê Dũng	F+I	BIT, FST, ATE, EER, MET, SST, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, ICTDD	PHA	Trực tiếp và Trực tuyến/ Offline and Online
6	CHE1.001	Hóa đại cương 1	4	48	30	18		Bộ môn Hóa học	F	MST, BIT, FST, PHA, EER, CH, AES, AMS, BITDD, CHDD	SIC	Trực tiếp/ Offline
7	ENG1.014	Tiếng Anh Nghe và ghi chép	2	28	28			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Đỗ Thùy Linh, Bùi Hoài Hương, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	BIT, PHA, ICT, MAT, CS, DS	SST	Trực tiếp/ Offline
8	ENG1.012	Tiếng Anh Viết học thuật	3	36	36			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Đỗ Thùy Linh, Bùi Hoài Hương, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	BIT, FST, PHA, ICT, MAT, CS, DS	SST, AMS	Trực tiếp/ Offline
9	ICT1.004	Nhập môn giải thuật	3	36	26		10	Hoàng Đỗ Thanh Tùng, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Xuân Thành, Nguyễn Lê Dũng	F+I	ATE, EER, MET, SST, SIC, ICT, MAT, CS, DS, ICTDD		Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
10	PHY1.002	Vật lý đại cương 2	Fundamental Physics 2	4	48	32	16		Bộ môn Vật lý	F	MST, ATE, EER, MET, SST, AMS, SIC	CH, CHDD	Trực tiếp/ Offline
11	ENGL013	Tiếng Anh Thuyết trình	English Presentation	3	36	36			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Đỗ Thùy Linh, Bùi Hoài Hương, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	BIT, FST, PHA, ICT, MAT, CS, DS	SST	Trực tiếp/ Offline
12	BIO1.001	Sinh học tế bào	Cellular biology	4	48	30	9	9	Lê Thanh Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Thị Trang Huyền, Trần Thị Thanh Tâm, Nguyễn Đức Quân, Nguyễn Cầm Linh, Trần Thị Thu Phương, Nguyễn Quang Huy, Đinh Phương Bình	F	MST, BIT, FST, PHA, BITDD	CH, AES, AMS, CHDD	Trực tiếp/ Offline
13	CHE1.002	Hóa đại cương 2	General Chemistry 2	4	48	30	18		Bộ môn Hóa học	F	MST, BIT, FST, PHA, CH, AMS, BITDD, CHDD	AES, SIC	Trực tiếp/ Offline
14	BIO1.002	Di truyền học	Genetics	3	36	21	10	5	Nguyễn Thy Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	MST, BIT, FST, BITDD	PHA, CH, AES, AMS, CHDD	Trực tiếp/ Offline
15	MS1.003	Những cơ sở về luật quốc tế và hệ thống pháp luật Việt Nam	Fundamentals of the international law and system law of Vietnam	2	24	24			Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Tường Lan, Nguyễn Hồng Nam	F	MST, BIT, FST, PHA, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, CHDD, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
16	CHE1.003	Hóa học hữu cơ	Organic Chemistry	4	48	30	18		Bộ môn Hóa học	F	MST, BIT, FST, PHA, AES, AMS, BITDD		Trực tiếp/ Offline
17	AE1.009	Sóng và âm thanh	Wave and sound	2	24	20		4	Bùi Quang Thành	F	AE		Trực tiếp/ Offline
18	AE1.020	Cơ học 1	Mechanics 1	3	44	36		8	Bùi Văn Tuấn	F	AE		Trực tiếp/ Offline
19	AE1.022	Điện và Điện từ 1	Electricity and electromagnetism 1	4	60	48		12	Ngô Quang Minh	F	AE		Trực tiếp/ Offline
20	AE1.003	Quang học cổ điển và Quang học sóng	Classical optics and wave optics	2	24	20		4	Ngô Quang Minh	F	AE		Trực tiếp/ Offline
21	AE1.031	Nhập môn Kỹ thuật Hàng không 1	Introduction to Aeronautical Engineering 1	3	36	36			Nguyễn Văn Táng	F	AE		Trực tiếp/ Offline
22	AE1.034	Đào tạo cơ bản phần mềm CATIA	CATIA Basic Training	2	24	24			Trần Anh Tú	F	AE		Trực tiếp/ Offline
23	ATE2.010	Vẽ kỹ thuật	Technical drawing	3	36	20	0	16	Phạm Xuân Tùng, Phan Anh Tuấn	F	ATE		Trực tiếp/ Offline
24	CH2.035	Hóa vô cơ 1	Inorganic Chemistry 1	3	36	30	6		Nguyễn Thị Quỳnh	F	CH, CHDD		Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
25	PHA1.001	Hóa lý 1	Physicochemistry 1	3	36	20	3	13	Phạm Lê Minh, Nguyễn Hữu Nghị	F	PHA		Trực tiếp/ Offline
26	PHA1.007	Thống kê sinh học	Biostatistics	4	48	23	13	12	Phạm Thế Hải, Phạm Lê Minh	F	PHA		Trực tiếp/ Offline
27	PHA1.008	Nhập môn dược khoa	Introduction to Pharmacology	2	24	18		6	Phạm Thế Hải, Nguyễn Quang Thái	F+I	PHA		Trực tiếp/ Offline
28	AES2.002	Sinh thái và đa dạng sinh học	Ecology and biodiversity	3	36	30	6		Ngô Xuân Quảng, Phan Kế Long, Phạm Đình Sắc, Nguyễn Thanh Hiền	F+I	AES		Trực tiếp/ Offline
29	FR1.001	Tiếng Pháp song bằng 1	French double degree 1	8	120	120			Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	BITDD, CHDD, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
30	FR1.002	Tiếng Pháp song bằng 2	French double degree 2	0	130	130			Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa	F	BITDD, CHDD, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
31	PHI1.001	Triết học	Philosophy	3	36	36			Nguyễn Thị Hoa, Trần Xuân Bình	I		MST, BIT, FST, PHA, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, CHDD, ICTDD	Trực tiếp/ Offline và Trực tuyến Offline and Online
32	MS3.001	Phương pháp viết bài báo khoa học	Scientific Writing and Communication	2	24	18		6	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa, Đoàn Nhật Quang	F		MST, BIT, FST, PHA, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, CHDD, ICTDD	Trực tiếp/ Offline

Ghi chú/ Notes:

CS An toàn thông tin/ Cyber Security
MET Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử/ Mechatronic Engineering Technology
BIT Công nghệ sinh học – Phát triển thuốc/ Biotechnology - Drug discovery
ICT Công nghệ thông tin – Truyền thông/ Information and Communication Technology
CH Hóa học/ Chemistry
DS Khoa học dữ liệu/ Data Science
AES Khoa học Môi trường Ứng dụng/ Applied Environmental Sciences
FST Khoa học và Công nghệ thực phẩm/ Food Science and Technology
MST Khoa học và Công nghệ y khoa/ Medical Science and Technology
AMS Khoa học vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano/ Advanced Materials Science and Nanotechnology
SST Khoa học Vũ trụ và Công nghệ Vệ tinh/ Space Science and Satellite Technology

EER Kỹ thuật điện và Năng lượng tái tạo/ Electrical Engineering and Renewable Energy
AE Kỹ thuật Hàng không/ Aeronautical Engineering
ATE Kỹ thuật ô tô/ Automotive Engineering
MAT Toán ứng dụng/ Applied Mathematics
EPE Vật lý kỹ thuật - Điện tử/ Engineering Physics and Electronics
SIC Công nghệ vi mạch bán dẫn/ Semiconductor and ICs technology
PHA Dược học/ Pharmacy
BITDD Công nghệ sinh học – Phát triển thuốc song bằng/ Double degree Biotechnology - Drug discovery
ICTDD Công nghệ thông tin – Truyền thông song bằng/ Double degree Information and Communication Technology
CHDD Hóa học song bằng/ Double degree Chemistry



PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1, NĂM THỨ HAI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 2: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF THE SECOND YEAR OF BACHELOR'S PROGRAMS FOR THE ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 / QĐ-ĐHKHCN ngày 09 / 10 / 2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 09 / QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	AE2.008	Khi động lực học và Cơ học máy bay	Aerodynamics and flight mechanics	4	53	45		8	Hoàng Thị Kim Dung, Bùi Văn Tuấn	F+I	AE		Trực tiếp/ Offline
2	AE2.013	Hệ thống nhiệt	Thermal Systems	4	52	40		12	Nguyễn Văn Táng	F	AE		Trực tiếp/ Offline
3	AE2.019	Xử lý tín hiệu và hình ảnh	Signal and image processing	3	36	36			Bùi Quang Thành	F	AE		Trực tiếp/ Offline
4	AE2.020	Nguồn điện	Electrical power	2	24	20		4	Phạm Duy An	F	AE		Trực tiếp/ Offline
5	AE2.021	Hệ thống điện tử: Hệ thống analog và Hệ thống kỹ thuật số	Electronics systems: analog systems and digital systems	4	58	50		8	Phạm Duy An	F	AE		Trực tiếp/ Offline
6	AE2.025	Điện tử học 2	Electronics 2	4	63	30	9	24	Nguyễn Đức Hưng	F	AE		Trực tiếp/ Offline
7	AE2.026	Đồ án Hàng không	Aeronautical project	3	36	36	0		Trần Anh Tú	F	AE		Trực tiếp/ Offline
8	AES2.006	Biến đổi khí hậu	Climate change	3	36	30	6	0	Ngô Đức Thành	F	AES		Trực tiếp/ Offline
9	AES2.007	Độc tố học môi trường	Environmental toxicology	3	36	24		12	Mai Hương	F	AES		Trực tiếp/ Offline
10	AES2.008	Thủy văn	Hydrology	3	36	30	6	0	Nguyễn Quốc Sơn	F		AES	Trực tiếp/ Offline
11	AES2.021	Vẽ kỹ thuật	Engineering drawing	3	36	12	0	24	Nguyễn Thị Hồng	I	AES		Trực tiếp/ Offline
12	AES2.029	Các quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường	Biological Processes in Environmental Engineering	3	36	24		12	Mai Hương	F	AES		Trực tiếp/ Offline
13	AES2.030	Thực hành điện hoá trong xử lý ô nhiễm môi trường	Practical: Applied electrochemistry in environmental treatment	3	36			36	Lê Phương Thu, Đinh Thị Mai Thanh	F		AES	Trực tiếp/ Offline
14	AES2.031	Quang hoá học môi trường	Environmental photochemistry	2	24	20	4		Lê Phương Thu, Đinh Thị Mai Thanh	F		AES	Trực tiếp/ Offline
15	AES2.032	Thực hành quang hoá học trong xử lý ô nhiễm môi trường	Practical: Applied photochemistry in environmental treatment	3	36			36	Lê Phương Thu, Đinh Thị Mai Thanh	F		AES	Trực tiếp/ Offline
16	AES2.033	Các quá trình hóa - lý trong môi trường	Physico-Chemical Processes in Environment	3	36	24		12	Vũ Cẩm Tú, Bùi Văn Hới	F	AES		Trực tiếp/ Offline
17	AES2.039	Điện hoá học môi trường	Environmental electrochemistry	2	24	20	4		Lê Phương Thu, Đinh Thị Mai Thanh	F		AES	Trực tiếp/ Offline
18	AES2.041	Hóa học xanh	Green Chemistry	3	36	20	4	12	Lê Phương Thu, Nguyễn Thu Phương	F		FST, AES	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I) Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
19	AES2.043	Môi trường và sức khỏe cộng đồng	Environment and public health	3	36	30	6		Mai Hương	F		FST, AES	Trực tiếp/ Offline
20	AES2.102	Phương pháp huấn luyện an toàn	Safety training methods	2	24	12		12	Ngô Thị Thu Hiền	I		AES	Trực tiếp/ Offline
21	AES2.107	Xây dựng và quản lý hồ sơ quan trắc môi trường lao động	Development and management of records for working environment monitoring	3	36	30	6		Đào Thành Dương	F		AES	Trực tiếp/ Offline
22	AES3.102	Dịch tễ học môi trường, nghề nghiệp	Environmental and Occupational Epidemiology	3	36	30	6		Phạm Đức Phúc	I		AES	Trực tiếp/ Offline
23	AES3.104	Truyền thông về môi trường, an toàn và sức khỏe	Communication on environment, safety and health	3	36	30	6		Phạm Đức Phúc	I		AES	Trực tiếp/ Offline
24	AES3.109	Kỹ năng quản lý an toàn	Safety management techniques	2	24	12		12	Nguyễn Thị Thu Hiền	I		AES	Trực tiếp/ Offline
25	AMS2.102	Hóa học hữu cơ 2	Organic Chemistry 2	3	36	24		12	Lê Thị Hương	F	AMS		Trực tiếp/ Offline
26	AMS2.201	Điện từ học 2	Electromagnetism 2	3	36	27	9		Nguyễn Thị Ngọc	F	SST, AMS		Trực tiếp/ Offline
27	AMS2.205	Vật lý chất rắn	Solid-state physics	3	36	30	6		Vũ Thị Thu	F	AMS	CH, SIC, CHDD	Trực tiếp/ Offline
28	AMS2.210	Cơ học thống kê	Statistical mechanics	4	48	34	14		Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Thị Thủy Nhung	I	AMS, SIC	SST	Trực tiếp/ Offline
29	AMS2.214	Quang học	Optics	3	36	30	2	4	Mai Thị Thu	F	AMS		Trực tiếp/ Offline
30	AMS2.303	Nhập môn công nghệ micro-nano	Introduction of micro-nano technology	2	24	16		8	Phạm Văn Nhất	F	AMS		Trực tiếp/ Offline
31	AMS2.305	Thiết kế và mô phỏng vật liệu	Materials Design and Simulation	3	36	14		22	Nguyễn Thanh Tùng	I		CH, AMS, CHDD	Trực tiếp/ Offline
32	AMS3.006	Vật liệu cho chuyển hóa và dự trữ năng lượng	Materials for Energy Conversion and Storage	3	36	28		8	Nguyễn Mai Chung, Lê Thị Hương	F		EER, AMS, SIC	Trực tiếp/ Offline
33	AMS3.105	Điện hóa học	Electrochemistry	3	36	24	12	0	Nguyễn Văn Quỳnh	F	AMS		Trực tiếp/ Offline
34	ATE2.004	Kết cấu ô tô	Automobile structure	4	48	34	0	14	Lê Huệ Tài Minh	F	ATE		Trực tiếp/ Offline
35	ATE2.006	Kỹ thuật điện	Electrical Engineering	3	36	24	6	6	Hoàng Trung Kiên	F	ATE, SIC		Trực tiếp/ Offline
36	ATE2.009	Thiết kế máy	Machine design	3	36	18	12	6	Bùi Văn Hưng	F	ATE		Trực tiếp/ Offline
37	ATE3.003	Kỹ thuật môi trường	Environmental engineering	2	24	15		9	Vũ Thị Thu Nga	F		ATE	Trực tiếp/ Offline
38	ATE3.025	Công nghệ khung vỏ ô tô	Chassis-Frame Technology	2	0				Hoàng Thăng Bình, Lê Huệ Tài Minh	F+I		ATE	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I) / Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
39	BIT2.001	Sinh học phân tử	Molecular Biology	4	48	37	3	8	Mai Thị Phương Nga, Lionel Guittat, Trần Thị Thanh Tâm	F+I	BIT, BITDD	MST, FST, CH, CHDD	Trực tiếp/ Offline
40	BIT2.002	Hóa sinh 2	Biochemistry 2	4	48	40	0	8	Nguyễn Phương Nga, Lê Thị Thu Hằng, Laura Gardano, Chu Nhật Huy	F+I	MST, BIT, BITDD	FST	Trực tiếp/ Offline
41	BIT2.005	Sinh lý học thực vật	Integrated Physiology part 2 (Plant)	3	36	33	3		Lê Thị Vân Anh	F	BIT, BITDD		Trực tiếp/ Offline
42	BIT2.008	Lý thuyết Miễn dịch học	Principles of Immunology	4	48	36	12		Trần Thị Thu Phương	F	MST, BIT, BITDD		Trực tiếp/ Offline
43	BIT2.012	Đại cương về Enzym học	Introduction to Enzymology	4	48	31	9	8	Nguyễn Đức Quân, Mai Thị Phương Nga, Lê Thị Thu Hằng	F+I	BIT, BITDD		Trực tiếp/ Offline
44	CH2.005	Phân tích công cụ 1	Instrumental Analysis 1	3	36	30	6		Bùi Văn Hơi, Christophe Pichon	F+I	CH, CHDD		Trực tiếp/ Offline
45	CH2.006	Hóa học hữu cơ 2	Organic Chemistry 2	3	36	24	12		Tô Hải Tùng	F	CH, CHDD	AES	Trực tiếp/ Offline
46	CH2.009	Dự án 1	Project-based course 1	3	36	24		12	Lê Thị Lý	F	CH, CHDD		Trực tiếp/ Offline
47	CH2.013	Thực hành hóa học hữu cơ	Organic Chemistry Lab	3	36	5		31	Tô Hải Tùng, Phạm Hồng Ngọc, Nguyễn Đức Anh	F	CH, CHDD		Trực tiếp/ Offline
48	CH2.016	Hóa học Polymer	Chemistry of Polymer	3	36	24	12		Nguyễn Đức Anh	F	CH, CHDD	AMS	Trực tiếp/ Offline
49	CH2.018	Hóa học chất rắn	Solid State Chemistry	2	24	24			Lê Thị Lý	F	CH, CHDD		Trực tiếp/ Offline
50	CH2.032	Thực hành Hóa lý	Physical Chemistry Labwork	3	36	4		32	Lê Phương Thu, Nguyễn Thu Phương	F	CH, CHDD		Trực tiếp/ Offline
51	CS2.001	Kiến trúc máy tính nâng cao và tập lệnh x86	Advanced Computer Architecture and x86 ISA	4	48	24		24	Bùi Duy Hiếu, Lê Như Chu Hiệp	F+I		CS	Trực tiếp/ Offline
52	CS2.005	Quản trị hệ thống máy tính	Administration of Computer Systems	4	48	24		24	Lê Như Chu Hiệp	F		ICT, CS, ICTDD	Trực tiếp/ Offline
53	CS3.015	Kỹ thuật theo dõi, giám sát an toàn mạng	Monitoring techniques for information and network security	4	48	28		20	Nguyễn Duy Tùng Khánh	I		ICT, CS, ICTDD	Trực tiếp/ Offline
54	DS2.008	Thống kê ứng dụng và thiết kế thử nghiệm	Applied Statistics and Experimental Design	4	48	24	24		Cán Văn Hào	I	DS		Trực tiếp/ Offline
55	DS3.016	Nhập môn tin sinh học	Introduction to bioinformatics	4	48	36		12	Nguyễn Cẩm Linh, Trần Thị Thanh Tâm	F		DS	Trực tiếp/ Offline
56	EER2.005	Lý thuyết mạch điện 1	Electrical circuits 1	4	48	28	8	12	Nguyễn Xuân Trường	F	EER		Trực tiếp/ Offline
57	EER2.010	Tích trữ năng lượng điện	Electrical energy storage	4	48	39	5	4	Hoàng Trung Kiên, Phạm Xuân Tùng, Dương Việt Anh, Lê Thị Lý	F	EER		Trực tiếp/ Offline
58	EER3.006	Thiết kế sản phẩm 2	Product design 2	3	36	16		20	Thái Minh Quân	I		EER, MET, SST	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I) / Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
59	EER3.018	Năng lượng địa nhiệt	Geothermal energy	4	48	24	10	14	Lại Hợp Phong	I		EER	Trực tiếp/ Offline
60	FR2.001	Tiếng Pháp 2.1	French 2.1	4	60	60			Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	MST, BIT, FST, PHA, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS		Trực tiếp/ Offline
61	FR2.003	Tiếng Pháp song bằng 4	French double degree 4	8	130	130			Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa	F+I	BITDD, CHDD, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
62	FR2.004	Tiếng Pháp song bằng 5	French double degree 5	0	130	130			Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa	F+I	BITDD, CHDD, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
63	FST2.006	Hóa thực phẩm	Food chemistry	3	36	26	0	10	Lê Hồng Luyến, Nguyễn Hữu Nghị	F	FST		Trực tiếp/ Offline
64	FST2.007	Dinh dưỡng và chuyển hóa	Nutrition metabolism	3	36	27	9		Lê Trần Bình	I	FST	BIT, CH, BITDD, CHDD	Trực tiếp/ Offline
65	FST2.008	Lý thực phẩm 1	Food physics 1	3	36	28		8	Đào Nguyễn Thuận, Phạm Hoàng Nam	F+I	FST		Trực tiếp/ Offline
66	FST2.009	Vi sinh học thực phẩm	Food microbiology	3	36	30		6	Phạm Hoàng Nam, Nguyễn Thị Tuyết Nhung	F	FST		Trực tiếp/ Offline
67	FST2.010	Enzym học thực phẩm	Food enzymology	3	36	30	0	6	Nguyễn Hữu Nghị	F	FST		Trực tiếp/ Offline
68	FST2.012	Quy trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1	Process and equipment in food technology 1	3	36	21		15	Nguyễn Thị Minh Huyền, Trịnh Duy Chí, Phạm Hoàng Nam	F	FST		Trực tiếp/ Offline
69	FST2.014	Phân tích vi sinh vật trong thực phẩm	Food Microbiological Analysis	3	36	21	3	12	Phạm Hoàng Nam, Nguyễn Thị Minh Huyền, Nguyễn Hữu Nghị	F	FST		Trực tiếp/ Offline
70	FST2.017	Luật và quy chuẩn thực phẩm	Food legislation and regulation	3	36	30	6		Nguyễn Hữu Nghị	F	FST		Trực tiếp/ Offline
71	FST2.019	An toàn môi trường trong công nghệ thực phẩm	Environmental safety in food industry	2	24	16		8	Mai Thị Phương Nga, Trần Thị Thanh Tâm	F		FST	Trực tiếp/ Offline
72	ICT2.003	Lập trình hướng đối tượng	Object-oriented programming	4	48	30		18	Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vĩnh Nam, Lê Như Chu Hiệp, Nguyễn Thị Hà Trang	F	ICT, CS, DS, ICTDD	MET, SST, SIC	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chủ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
73	ICT2.006	Mạng máy tính	Computer Networks	4	48	27	10	11	Nguyễn Duy Tùng Khánh, Bùi Đức Việt, Nguyễn Văn Quân	I	ICT, CS, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
74	ICT2.013	Lập trình nâng cao với Python	Advanced programming with Python	4	48	30		18	Trần Giang Sơn, Nghiêm Thị Phương	F	ICT, MAT, CS, DS, ICTDD	SST	Trực tiếp/ Offline
75	ICT2.014	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structures and Algorithms	4	48	24	8	16	Đoàn Nhật Quang, Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vĩnh Nam	F	ICT, MAT, CS, DS, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
76	ICT2.015	Tín hiệu và hệ thống	Signal and Systems	4	48	24	24		Trần Hoàng Tùng, Phan Anh Tuấn, Lê Như Chu Hiệp	F	ICT, DS, ICTDD		Trực tiếp/ Offline
77	MAT2.001	Phương pháp số	Numerical methods	3	36	21	15		Ngô Đức Thành, Trần Anh Tú, Nguyễn Xuân Thành, Phan Thanh Hiền	F	ATE, EER, MET, SST		Trực tiếp/ Offline
78	MAT2.019	Xác suất 2	Probability 2	4	48	24	24		Phạm Việt Hùng	I	MAT		Trực tiếp/ Offline
79	MAT2.027	Quá trình ngẫu nhiên	Stochastic Processes	4	48	24	24		Cần Văn Hào	I	MAT		Trực tiếp/ Offline
80	MAT2.030	Thống kê 1	Statistics 1	4	48	24	24		Hồ Đăng Phúc	I	MAT		Trực tiếp/ Offline
81	MET2.003	Kỹ thuật điện 1	Electrical engineering 1	4	48	28	8	12	Nguyễn Xuân Trường, Hoàng Trung Kiên	F	MET		Trực tiếp/ Offline
82	MET2.006	Vì xử lý và vi điều khiển	Micro-processor and micro-controller	3	36	26		10	Phạm Xuân Tùng	F	MET	ATE	Trực tiếp/ Offline
83	MET2.019	Xác suất đại cương	Introduction to probability	3	36	24	12		Nguyễn Mai Chung, Tô Duy Quang	F+I	ATE, EER, MET		Trực tiếp/ Offline
84	MET2.020	Điện từ tương tự	Analogical electronics	3	36	27		9	Vũ Thị Tuyết Hồng, Phạm Duy An	F	MET		Trực tiếp/ Offline
85	MS2.007	Đạo đức và liêm chính trong khoa học	Ethics and integrity in science	2	24	24			Nguyễn Quỳnh Hoa	F	CH, AES, MAT, CHDD		Trực tiếp/ Offline
86	MS3.001	Phương pháp viết bài báo khoa học	Scientific Writing and Communication	2	24	18		6	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa, Đoàn Nhật Quang	F		MST, BIT, FST, PHA, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, CHDD, ICTDD	Trực tiếp/ Offline
87	MST2.001	Giải phẫu và sinh lý học	Human Anatomy and Physiology	4	48	36	0	12	Lê Văn Quân, Cần Văn Mão	I	MST, PHA		Trực tiếp/ Offline
88	MST2.002	Sinh học tế bào năng cao	Advanced Cell Biology	3	36	24	6	6	Mai Thị Phương Nga, Nguyễn Thị Trang Huyền, Lê Thị Minh Phúc, Trịnh Duy Chí	F+I	MST, BIT, BITDD		Trực tiếp/ Offline
89	MST2.003	Mô và tế bào học	Histology and Cytology	3	36	30		6	Nguyễn Phương Nga, Nguyễn Thị Trang Huyền	F	MST		Trực tiếp/ Offline



STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chủ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	HP cốt lõi của các ngành/ Core modules in the following majors	HP lựa chọn của các ngành/ Elective modules in the following majors	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
90	MST2.006	Vị khuẩn y học	Medical Bacteriology	3	36	24		12	Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Thị Tuyệt Nhung	F		MST	Trực tiếp/ Offline
91	MST2.007	Virus y học	Medical virology	3	36	24	12		Nguyễn Văn Trang, Bùi Tiến Sỹ, Nguyễn Quang Huy	F+I	BIT, BITDD	MST, PHA	Trực tiếp/ Offline
92	MST2.011	Tín hiệu và hệ thống	Signals and Systems	3	36	21	9	6	Phan Anh Tuấn	F	SIC	MST	Trực tiếp/ Offline
93	MST2.013	Vật lý y học	Medical Physics	3	36	30		6	Nguyễn Anh Quang	I		MST	Trực tiếp/ Offline
94	MST2.014	Điện tử	Electronics	3	36	27		9	Trịnh Quang Kiên, Trần Thị Hồng Thắm, Nguyễn Đình Tuấn	F		MST	Trực tiếp/ Offline
95	MST2.015	Điện tử số	Digital Electronics	3	36	27		9	Trịnh Quang Kiên, Trần Thị Hồng Thắm, Nguyễn Đình Tuấn	I		MST	Trực tiếp/ Offline
96	PHA2.002	Hóa dược 1	Medicinal chemistry 1	3	36	30		6	Phạm Thế Hải, Phạm Lê Minh, Ninh Thế Sơn	F+I	PHA		Trực tiếp/ Offline
97	PHA2.003	Sinh lý học	Physiology	5	60	48	6	6	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Thị Trang Huyền, Nguyễn Phương Nga	F	PHA		Trực tiếp/ Offline
98	PHA2.009	Hóa phân tích	Analytical chemistry	5	60	30	15	15	Nguyễn Hữu Nghi, Phạm Lê Minh, Trần Thị Ý Nhi	F+I	PHA		Trực tiếp/ Offline
99	PHA2.011	Miễn dịch	Immunology	3	36	21	6	9	Trần Thị Thu Phương	F	PHA		Trực tiếp/ Offline
100	PHA2.012	Thực hành giải phẫu	Practical anatomy	2	24	0		24	Nguyễn Phương Nga	F	PHA		Trực tiếp/ Offline
101	PHA2.015	Nấm và ký sinh trùng y học	Mycology and Parasitology	3	36	24	6	6	Nguyễn Thị Hoàng Yến	I	PHA		Trực tiếp/ Offline
102	PHA2.017	Giải phẫu	Anatomy	4	48	36		12	Nguyễn Phương Nga, Nguyễn Thị Phương Lan, Hồ Mỹ Dung	F+I	PHA		Trực tiếp/ Offline
103	PHI1.001	Triết học	Philosophy	3	36	36			Nguyễn Thị Hoa, Trần Xuân Bình	I		MST, BIT, FST, PHA, ATE, EER, MET, SST, AE, CH, AES, AMS, SIC, ICT, MAT, CS, DS, BITDD, CHDD, ICTDD	Trực tiếp và Trực tuyến/ Offline and Online
104	SA2.005	Nhiệt động lực học	Thermodynamics	3	36	24		12	Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Hồng Nam	F+I	SST		Trực tiếp/ Offline
105	SA2.011	Phân tích dữ liệu và hiển thị số liệu	Data analysis and visualization	2	24	15	9		Nguyễn Lê Dũng	F	SST		Trực tiếp/ Offline
106	SA2.012	Cơ sở viễn thám	Fundamental of Remote Sensing	3	36	21		15	Tổng Sĩ Sơn	F	SST		Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KHOA HỌC VẬT LIỆU TIỀN TIẾN VÀ CÔNG NGHỆ NANO NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 3: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN ADVANCED MATERIALS SCIENCE AND NANOTECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy, trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027
Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	AMS3.106	Inorganic Materials	Vật liệu vô cơ	3	36	24	12		M	Nguyễn Lương Lâm	F	Trực tiếp/ Offline
2	AMS3.307	Materials Characterization Techniques 1	Kỹ thuật phân tích vật liệu 1	3	36	24	12		M	Nguyễn Văn Quỳnh	F	Trực tiếp/ Offline
3	CH2.016	Chemistry of Polymer	Hóa học Polymer	3	36	24	0	12	M	Nguyễn Đức Anh	F	Trực tiếp/ Offline
4	AMS3.108	Chemistry of Nanostructured materials	Hóa học vật liệu cấu trúc nano	3	36	18	18		M	Nguyễn Văn Quỳnh, Nguyễn Lương Lâm, Lê Thị Hương	F	Trực tiếp/ Offline
5	AMS3.310	Materials Characterization Techniques 2	Kỹ thuật phân tích vật liệu 2	3	36	24	12		M	Nguyễn Lương Lâm	F	Trực tiếp/ Offline
6	AMS3.308	Smart Hybrid Materials	Vật liệu lai thông minh	3	36	26		10	M	Phạm Văn Nhất	F	Trực tiếp/ Offline
7	AMS3.311	Engineering Practice	Thực hành kỹ thuật	3	36		36		M	Nguyễn Nhật Linh	I	Trực tiếp/ Offline
8	AMS3.990	Group Project	Dự án nhóm	6					M			Trực tiếp/ Offline
9	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
11	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hòa	F	Trực tiếp/ Offline

OK



PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH HÓA HỌC NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 4: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN CHEMISTRY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Lưu ý: Kế hoạch giảng dạy được phê duyệt theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Note: The teaching plan is approved by Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	CH3.001	Chemistry of Nanomaterials	Hóa học vật liệu nano	3	36	30		6	M	Nguyễn Thị Quyên	F	Trực tiếp/ Offline
2	CH3.002	Electrochemistry	Điện hóa học	3	36	24	12		M	Eyraud Marielle, Nguyễn Ngọc Đức	F+I	Trực tiếp/ Offline
3	FST2.006	Food Chemistry	Hóa thực phẩm	3	36	26	10			Lê Hồng Luyến	F	Trực tiếp/ Offline
4	CH3.016	Chemistry of Natural and Biodegradable Polymers	Hóa học polymer tự nhiên và phân hủy sinh học	2	24	24			M	Nguyễn Đức Anh, Trần Thị Ý Nhi	F+I	Trực tiếp/ Offline
5	CH3.017	Chemistry of Natural products: Bioactive Compounds	Hóa học hợp chất thiên nhiên	2	24	24			M	Tô Hải Tùng	F	Trực tiếp/ Offline
6	CH2.018	Solid State Chemistry	Hóa học chất rắn	2	24	24			M	Lê Thị Lý, Virginie Viallet	F+I	Trực tiếp/ Offline
7	CH3.011	Project-based course 3	Dự án 3	2	24	24			M	Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Ngọc Đức	F	Trực tiếp/ Offline
8	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Trực tiếp/ Offline

✓



PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 5: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN CYBER SECURITY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027
(Báo hành kèm theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	CS3.002	Digital Forensics	Pháp chứng số	4	40	24	16		M	Trần Nguyễn Ngọc, Phạm Trường Sơn	I	Thực tiếp/ Offline
2	CS3.003	Intrusion Detection and Prevention System	Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập	4	40	24	16		M	Phạm Thanh Giang	I	Thực tiếp/ Offline
3	CS3.005	Malware Analysis	Phân tích mã độc	4	40	24	16		M	Phạm Duy Trung	I	Thực tiếp/ Offline
4	CS3.011	Kiểm thử xâm nhập	Penetration Testing	3	30	18	12		M	Phạm Duy Trung	I	Thực tiếp/ Offline
5	ICT3.005	Web application development	Phát triển ứng dụng web	4	40	30	10		M	Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vĩnh Nam	F	Thực tiếp/ Offline
6	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
7	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
8	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Đoàn Nhật Quang	F	Thực tiếp/ Offline
9	ICT2.009	Software Engineering	Công nghệ phần mềm	3	36	26		10	O	Huỳnh Vĩnh Nam, Kiều Quốc Việt, Phạm Đình Phong	F+I	Thực tiếp/ Offline
10	ICT3.012	Distributed Systems	Hệ phân tán	3	30	20	10		O	Lê Như Chu Hiệp, Huỳnh Vĩnh Nam	F	Thực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 6: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 6: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN ELECTRICAL ENGINEERING AND RENEWABLE ENERGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	EER3.003	Electric transmission and distribution	Truyền tải và phân phối điện	3	36	27	2	7	M	Trần Thanh Sơn	I	Trực tiếp/ Offline
2	EER3.001	Control engineering	Kỹ thuật điều khiển	3	36	24	5	7	M	Bùi Quang Thành	F	Trực tiếp/ Offline
3	EER3.002	Electrical machines	Máy điện	4	48	30	12	6	M	Hoàng Trung Kiên	F	Trực tiếp/ Offline
4	EER3.004	Photovoltaic systems	Hệ thống quang điện	4	48	30	12	6	M	Nguyễn Xuân Trường	F	Trực tiếp/ Offline
5	ATE3.004	Power electronics and applications	Điện tử công suất và ứng dụng	3	36	24	6	6	M	Hoàng Trung Kiên	F	Trực tiếp/ Offline
6	MET3.006	Design 2	Thiết kế 2	3	36	16	20		M	Thái Minh Quân	I	Trực tiếp/ Offline
7	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp	4	64	64			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
8	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp	3	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	M	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Trực tiếp/ Offline

Handwritten signature in blue ink.



PHỤ LỤC 7: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3, B4 NGÀNH DƯỢC HỌC NĂM HỌC 2026-2027

ANNEX 7: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 AND B4 PROGRAM IN PHARMACY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban hành kèm Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

7.1. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ BA/ TEACHING PLAN OF B3

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	PHA3.001	Pharmacy Sociology	Dược xã hội học	2	24	24			M	Đặng Thị Thu Hằng	I	Trực tiếp/ Offline
2	PHA3.002	Pharmacy Laws	Pháp chế dược	3	36	36			M	GV thỉnh giảng	I	Trực tiếp/ Offline
3	PHA3.006	Drug quality control	Kiểm nghiệm	4	48	36	12		M	Phạm Lê Minh, Nguyễn Hữu Nghi	F	Trực tiếp/ Offline
4	PHA3.003	Toxicology	Độc chất	3	36	30	6		M	Phạm Lê Minh	I	Trực tiếp/ Offline
5	PHA3.019	Pharmaceutics and Biopharmacy 1	Bào chế và sinh dược 1	5	60	36	24		M	Nguyễn Hồng Vân, nghiên cứu sinh	F+I	Trực tiếp/ Offline
6	PHA3.007	Pharmacology 2	Dược lý 2	4	48	40		8	M	Nguyễn Thị Vân Anh, Trần Thị Thu Phương	F	Trực tiếp/ Offline
7	PHA3.005	Pharmacokinetics	Dược động học	4	48	34		14	M	Nguyễn Thị Vân Anh	F	Trực tiếp/ Offline
8	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	48				M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hòa	F	Trực tiếp/ Offline

7.2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ TƯ/ TEACHING PLAN OF B4

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	PHA4.019	Pharmacy administration	Quản lý dược	2	24	24			M	Lương Quang Anh	I	Trực tiếp/ Offline
2	PHA4.003	Therapeutic drug monitoring	Giám sát nồng độ thuốc trong điều trị	5	60	29	21	10	M	Nguyễn Thị Vân Anh, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
3	PHA4.006	Drug Information Round	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	4	48	24	12	12	M	Trần Thị Thu Phương, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
4	PHA4.013	Pharmacotherapeutics 1	Dược lý trị liệu 1	5	60	50		10	M	Nguyễn Thị Vân Anh, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
5	PHA4.015	Practical pharmacotherapeutics 1	Thực hành dược lý trị liệu 1	5	60		60		M	Nguyễn Thị Vân Anh, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
6	PHA4.001	Pharmaco community	Dược cộng đồng	3	36	18	18		O	Đặng Thị Thu Hằng	I	Trực tiếp/ Offline
7	PHA4.002	Traditional medicine	Dược cổ truyền	4	48	35	13		O	Bùi Hồng Cường, Phạm Thế Hải	F+I	Trực tiếp/ Offline
8	PHA4.004	Pharmacoeconomics	Kinh tế dược	4	48	36		12	O	Lã Thị Quỳnh Liên	I	Trực tiếp/ Offline
9	PHA4.005	Compounding in hospital	Thực hành pha chế trong bệnh viện	3	36	24	12		O	GV thỉnh giảng, Nguyễn Hồng Vân	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	PHA4.009	Biological products	Sinh phẩm	2	24	20	4		O	Trần Thị Thu Phương, Đồng Văn Quyền	F+I	Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 8: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH CÔNG NGHỆ VI MẠCH BÁN DẪN NĂM HỌC 2026-2027
TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN SEMICONDUCTOR AND ICS NANOTECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban hành và phê duyệt theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì I, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Common courses/ Các môn học chung												
1	SIC3.506	Practical on microprocessor and microcontroller	Thực hành vi xử lý và vi điều khiển	4	48		48		M	Phạm Xuân Tùng	F	Thực tiếp/ Offline
2	SIC3.114	Digital Signal Processing	Xử lý tín hiệu số	3	36	18	9	9	M	Phan Anh Tuấn	F	Thực tiếp/ Offline
3	SIC3.507	Practical semiconductor metrology and inspection	Thực hành đo lường và kiểm tra bán dẫn	3	36		36		M	Lê Văn Long	I	Thực tiếp/ Offline
4	SIC3.508	Semiconductor process (manufacturing) technology	Công nghệ chế tạo bán dẫn	3	36	30	6		M	Mai Thị Thu	F	Thực tiếp/ Offline
5	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
6	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
7	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Thực tiếp/ Offline
Module 1: Thiết kế/ Design												
1	SIC3.104	Analog integrated microsystem design	Thiết kế vi mạch tương tự	3	36	22	7	7	M	Nguyễn Văn Trung	I	Thực tiếp/ Offline
2	SIC3.202	Digital integrated microsystem design	Thiết kế vi mạch tích hợp số	3	36	12	24		M	Nguyễn Vũ Thắng	I	Thực tiếp/ Offline
3	SIC3.601	Industrial Communication Network and IoT	Mạng truyền thông công nghiệp và IoT	3	36	24	12		M	Trịnh Quang Kiên, Lê Thanh Bằng	I	Thực tiếp/ Offline
4	SIC3.510	Advanced Digital Design and FPGA Based Design	Thiết kế FPGA và Thiết kế số nâng cao	3	36	24	12		M	Trịnh Quang Kiên, Nguyễn Đình Tuấn	I	Thực tiếp/ Offline



STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chi/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Module 3: Đóng gói, kiểm tra/ Packaging and quality control												
1	SIC3.515	Advanced technique for quality Control	Kỹ thuật tiên tiến cho kiểm tra chất lượng	3	30	0	30		M	Dương Văn Thiết	I	Trực tiếp/ Offline
2	SIC2.402	Integrated Computing	Tin học ghép nối	3	34	27	9		M	Nguyễn Thị Ngọc	F	Trực tiếp/ Offline
3	SIC3.516	Fundamental of Microelectronic packaging	Cơ sở đóng gói linh kiện vi điện tử	3	36	32		4	M	Mai Thị Thu	F	Trực tiếp/ Offline
4	SIC3.517	Design for Test (DFT)	Xây dựng quy trình kiểm tra	3	36	30	6		M	GV thỉnh giảng	I	Trực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 9: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 9: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027
Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	ICT3.003	Mobile Application Development	Phát triển ứng dụng di động	4	40	30	10		M	Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vinh Nam	F	Trực tiếp/ Offline
2	ICT3.004	Object-Oriented System Analysis and Design	Phân tích và thiết kế hệ thống hướng đối tượng	4	40	28		12	M	Đỗ Trung Dũng	I	Trực tiếp/ Offline
3	ICT3.005	Web application development	Phát triển ứng dụng Web	4	40	30	10		M	Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vinh Nam	F	Trực tiếp/ Offline
4	ICT3.017	Introduction to Deep Learning	Nhập môn học sâu	3	36	27	9		M	Trần Giang Sơn, Nguyễn Thị Phương	F	Trực tiếp/ Offline
5	ICT3.011	Machine Learning and Data Mining 2	Học máy và khai phá dữ liệu 2	3	36	20	16		M	Đoàn Nhật Quang, Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vinh Nam	F	Trực tiếp/ Offline
6	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
7	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
8	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Đoàn Nhật Quang	F	Trực tiếp/ Offline
9	ICT3.006	Advanced databases	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	31	21	10		O	Huỳnh Vinh Nam, Kiều Quốc Việt	F	Trực tiếp/ Offline
10	ICT3.012	Distributed Systems	Hệ phân tán	3	30	20	10		O	Huỳnh Vinh Nam, Lê Như Chu Hiệp	F	Trực tiếp/ Offline

99



PHỤ LỤC 10: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ I NĂM B3 NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Y KHOA NĂM HỌC 2026-2027
TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN MEDICAL SCIENCE AND TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì I, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	MST3.001	Biomedical materials	Vật liệu y sinh	2	24	18	6	0	M	Đoàn Nguyên Thuận	I	Trực tiếp/ Offline
2	MST3.003	Biomedical nanotechnology	Công nghệ nano y sinh	3	36	26	10	0	M	Phạm Văn Nhứt, Nguyễn Hồng Văn	F	Trực tiếp/ Offline
3	MST3.004	Biosensors and Applications	Cảm biến sinh học và ứng dụng	3	36	20	16	0	M	Vũ Thị Thu	F	Trực tiếp/ Offline
4	MST3.002	Tissue engineering	Kỹ thuật mô	3	36	24	6	6	M	Nguyễn Thị Xuân	I	Trực tiếp/ Offline
5	MST3.005	Medical ethics	Y đức	2	24	20	0	4	M	Nguyễn Thị Xuân	I	Trực tiếp/ Offline
6	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66	0	0	M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
7	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
8	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Trực tiếp/ Offline
Khoa học Y sinh/Biomedical Sciences (BMS)												
9	BIT3.006	Introduction to Medical Biotechnology	Nhập môn Công nghệ sinh học Y học	3	36	21	15	0	M	Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Đức Quân, Đào Thị Mai Lan	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	BIT3.007	Protein Engineering	Công nghệ Protein	3	36	24	8	4	O	Mai Thị Phương Nga, Lê Thị Thu Hằng	F	Trực tiếp/ Offline
11	MST3.007	Human Pathology	Bệnh học ở người	2	24	24	0	0	M	Nguyễn Văn Đố	I	Trực tiếp/ Offline
12	MST2.021	Human Genetic and Diseases	Di truyền và Bệnh ở người	3	36	24	12	0	M	Nguyễn Thùy Dương	I	Trực tiếp/ Offline



STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chi/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Kỹ thuật Y sinh/Biomedical Engineering (BME)												
13	MST3.013	Microprocessor system	Hệ thống vi xử lý	3	36	30	6	0	M	Phạm Xuân Tùng	F	Thực tiếp/ Offline
14	MST2.019	Medical Image Processing	Xử lý ảnh Y tế	3	36	30	0	6	M	Nghiêm Thị Phương	F	Thực tiếp/ Offline
15	MST3.016	Programming with Python	Lập trình bằng Python	2	24	24	0	0	M	Nguyễn Cẩm Linh	F	Thực tiếp/ Offline

06





PHỤ LỤC 11: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC - PHÁT TRIỂN THUỐC NĂM HỌC 2026-2027
TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN BIOTECHNOLOGY - DRUG DISCOVERY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số **638/QĐ-ĐHKHCN** ngày **09/9/2026** về việc phê duyệt kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027
638/QĐ-ĐHKHCN dated **Sept. 9**, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	BIT3.002	Basic Pharmacology	Dược lý đại cương	4	48	38	10		M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Thị Trang Huyền, Nguyễn Hữu Nghị	F	Trực tiếp/ Offline
2	BIT3.003	Basic Pharmaceutics	Đại cương về Bảo chế thuốc	3	36	20	16		M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Hữu Nghị	F	Trực tiếp/ Offline
3	BIT3.004	Bioinformatics	Tin sinh học	3	36	36			M	Trần Thị Thanh Tâm, Nguyễn Cẩm Linh	F	Trực tiếp/ Offline
4	BIT3.006	Introduction to Medical Biotechnology	Nhập môn Công nghệ Sinh học Y học	3	36	21	15		M	Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Đức Quân, Đào Thị Mai Lan	F	Trực tiếp/ Offline
5	BIT3.007	Protein Engineering	Công nghệ Protein	3	36	24	8	4	M	Mai Thị Phương Nga Lê Thị Thu Hằng	F	Trực tiếp/ Offline
6	BIT3.009	Introduction to Biopharmaceutical Science	Nhập môn Khoa học sinh dược	2	24	24			M	Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	Trực tiếp/ Offline
7	BIT3.019	Metabolic Engineering	Kỹ thuật chuyển hóa	3	36	27		9	M	Trần Tuấn Anh, Tô Thị Mai Hương	F	Trực tiếp/ Offline
8	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Trực tiếp/ Offline
11	FST3.015	Functional food	Thực phẩm chức năng	2	24	17	7		O	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Lê Thanh Hương	F	Trực tiếp/ Offline
12	PHA4.025	Cosmetics	Mỹ phẩm	2	24	14	10		O	Nguyễn Hồng Vân	F	Trực tiếp/ Offline
13	PHA4.009	Biologics	Sinh phẩm	2	24	20	4		O	Đỗ Tuấn Đạt, Trần Thị Thu Phương	F+I	Trực tiếp/ Offline

✓

PHỤ LỤC 12: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KỲ 1 NĂM B3 NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM NĂM HỌC 2026-2027
TRƯỜNG ĐẠI HỌC 12: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN FOOD SCIENCE AND TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

TRƯỜNG ĐẠI HỌC 12 (Ban hành kèm theo Quyết định số **638/QĐ-ĐHKHCN** ngày **09/9/2026** về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC 12 (Issued with Decision No. **638/QĐ-ĐHKHCN** dated **Sept. 9**, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	FST3.002	Refrigeration technology	Công nghệ lạnh	3	36	30		6	M	Nguyễn Ngọc Hoàng	I	Thực tiếp/ Offline
2	FST3.003	Package technology	Công nghệ đóng gói	3	36	36			M	Nguyễn Ngọc Hoàng	I	Thực tiếp/ Offline
3	FST3.005	Sensory evaluation of food products	Kỹ thuật đánh giá cảm quan thực phẩm	2	24	15		9	M	Nguyễn Thị Minh Tú	I	Thực tiếp/ Offline
4	FST3.116	Technology of products from tropical plants	Công nghệ các sản phẩm từ cây nhiệt đới	4	48	42	6		O	Nguyễn Văn Tạng	I	Thực tiếp/ Offline
5	FST3.010	Beverage technology	Công nghệ nước giải khát	2	24	20		4	M	Phạm Hoàng Nam	F	Thực tiếp/ Offline
6	FST3.011	Aroma and food additives	Công nghệ hương liệu và phụ gia thực phẩm	2	24	18	6		M	Nguyễn Thị Minh Huyền, Phạm Hoàng Nam, Trịnh Duy Chí	F	Thực tiếp/ Offline
7	FST3.013	Food quality management	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	36	36			M	Nguyễn Hữu Nghị	F	Thực tiếp/ Offline
8	FST3.012	Seafood technology	Công nghệ thủy sản	2	24	24			M	Nguyễn Văn Minh	I	Thực tiếp/ Offline
9	FST3.004	Food formulation technology	Công nghệ chế biến thực phẩm	3	36	30		6	M	Huỳnh Tiến Đạt	I	Thực tiếp/ Offline
10	FST3.007	Meat technology	Công nghệ thịt	2	24	20	4		M	Nguyễn Thị Minh Huyền, Phạm Hoàng Nam, Trịnh Duy Chí	F	Thực tiếp/ Offline
11	FST3.109	Dairy technology	Công nghệ sữa	3	36	30	6		M	Nguyễn Thị Minh Huyền, Phạm Hoàng Nam, Trịnh Duy Chí	F	Thực tiếp/ Offline
12	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
13	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	24			O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hòa	F	Thực tiếp/ Offline

(Handwritten signature)



PHỤ LỤC 13: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG ỨNG DỤNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 13: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN APPLIED ENVIRONMENTAL SCIENCES IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027
Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	AES3.005	Environmental management	Quản lý môi trường	2	24	20		4	M	Mai Hương	F	Trực tiếp/ Offline
2	AES3.008	Recycling and waste treatment	Tái chế và xử lý chất thải	2	24	15	9		M	Đào Thanh Dương	F	Trực tiếp/ Offline
3	AES3.011	Drinking water treatment	Xử lý nước cấp	3	36	30	6		M	Phạm Lê Anh	F	Trực tiếp/ Offline
4	AES3.024	Applied spectrometry for environmental analysis	Ứng dụng phương pháp quang phổ cho phân tích môi trường	3	36	28	8	9	M	Bùi Văn Hoi	F	Trực tiếp/ Offline
5	AES3.026	Applied ecology	Sinh thái ứng dụng	3	36	21	6		M	Phạm Đình Sắc, Nguyễn Thanh Hiền, Ngô Xuân Quảng	F	Trực tiếp/ Offline
6	AES3.015	Air pollution control	Kiểm soát ô nhiễm không khí	2	24	15	3	6	M	Hoàng Anh Lê	I	Trực tiếp/ Offline
7	AES3.029	Wastewater treatment modelling	Mô hình hóa xử lý nước thải	2	24	24			O	Phạm Lê Anh	F	Trực tiếp/ Offline
8	AES3.030	Management of environmental incident response	Quản lý ứng phó sự cố môi trường	2	24	20		4	O	Mai Hương, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	AES3.030	Management of environmental incident response	Quản lý ứng phó sự cố môi trường	2	24	20		4	O	Mai Hương	F	Trực tiếp/ Offline
10	AES3.012	Environmental impact assessment	Đánh giá tác động môi trường	2	24	15	9		M	Đào Thanh Dương	F	Trực tiếp/ Offline
11	AES3.014	Waste water treatment	Xử lý nước thải	3	36	27	9		M	Đào Thanh Dương	F	Trực tiếp/ Offline
12	AES3.027	Environmental monitoring	Quan trắc môi trường	3	36	18	18		M	Nguyễn Quốc Sơn, Phạm Đức Bình	F	Trực tiếp/ Offline
13	AES3.025	Catalysis and its applications	Xúc tác và ứng dụng xúc tác	4	48	32	16		M	Lê Phương Thu, Đinh Thị Mai Thanh	F	Trực tiếp/ Offline
14	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline



STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
15	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
16	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Thực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 14: KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KỲ 1 NĂM B3 NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ NĂM HỌC 2026-2027
TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN MECHATRONICS ENGINEERING TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	MET3.002 Non-metallic materials	Vật liệu phi kim loại	3	36	19	10	7	M	Nguyễn Anh Tuấn	I	Thực tiếp/ Offline
2	MET3.022 Manufacturing 2	Chế tạo 2	4	48	30	18	0	M	Phạm Văn Bạch Ngọc, Hoàng Trung Kiên, Dương Việt Anh	F+I	Thực tiếp/ Offline
3	MET3.004 Industrialization	Công nghiệp hoá	3	36	26	7	3	M	Lê Văn Thảo	I	Thực tiếp/ Offline
4	MET3.005 Signal processing	Xử lý tín hiệu	3	36	25	6	5	M	Phan Anh Tuấn	F	Thực tiếp/ Offline
5	MET3.006 Design 2	Thiết kế 2	3	36	16	20		M	Thái Minh Quân	I	Thực tiếp/ Offline
6	MET3.007 Automatic control 1	Điều khiển tự động 1	3	36	24	5	7	M	Bùi Quang Thành	F	Thực tiếp/ Offline
7	MET3.008 Embedded system	Hệ thống nhúng	3	36	10	26		M	Phạm Xuân Tùng, Phan Anh Tuấn	F	Thực tiếp/ Offline
8	MET3.017 Robotics	Robotics	4	48	30	10	8	M	Dương Việt Anh, Đặng Thu Thủy, Benjamin Boudon, Ngô Mạnh Tiến	F+I	Thực tiếp/ Offline
9	MS3.001 Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	M	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hòa	F	Thực tiếp/ Offline
10	FR3.001 French 3.1	Tiếng Pháp	4	64	64			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
11	FR3.002 French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline

09



PHỤ LỤC 15: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 15: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN DATA SCIENCE IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Đã được phê duyệt theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09 / 9 /2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì I, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	DS3.001	Fundamentals of data science	Đại cương về khoa học dữ liệu	3	36	24	12		M	Nguyễn Đức Dũng	I	Trực tiếp/ Offline
2	DS3.002	Data visualization	Thực quan hóa dữ liệu	3	36	15	21		M	Nguyễn Lê Dũng, Nguyễn Duy Tùng	F+I	Trực tiếp/ Offline
3	DS3.003	Time series data analysis	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian	3	36	24	12		M	Hồ Đăng Phúc	I	Trực tiếp/ Offline
4	DS3.004	Graph analytics for big data	Phân tích đồ thị cho dữ liệu lớn	3	36	18	15	3	M	Cần Văn Hào, Đỗ Văn Hoàn	I	Trực tiếp/ Offline
5	ICT3.006	Advanced databases	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	31	21	10		M	Huỳnh Vinh Nam, Kiều Quốc Việt	F	Trực tiếp/ Offline
6	ICT3.012	Distributed Systems	Hệ phân tán	3	30	20	10		M	Huỳnh Vinh Nam, Lê Như Chu Hiệp	F	Trực tiếp/ Offline
7	ICT3.017	Introduction to Deep Learning	Nhập môn học sâu	3	36	27	9		M	Trần Giang Sơn, Nguyễn Thị Phương	F	Trực tiếp/ Offline
8	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Đoàn Nhật Quang	F	Trực tiếp/ Offline

9



PHỤ LỤC 16: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KỸ THUẬT Ô TÔ NĂM HỌC 2026-2027
TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN AUTOMOTIVE ENGINEERING FOR THE ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027
Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	ATE3.001	Summer internship	Thực tập hè	2	24		24		M			Thực tiếp/ Offline
2	ATE3.002	Automobile manufacturing	Chế tạo ô tô	3	36	29		7	M	Trần Trọng Đạt	I	Thực tiếp/ Offline
3	ATE3.003	Environmental engineering	Kỹ thuật môi trường	2	24	15	9		M	Vũ Thị Thu Nga	I	Thực tiếp/ Offline
4	ATE3.004	Power electronics and applications	Điện tử công suất và ứng dụng	3	36	24	6	6	M	Hoàng Trung Kiên	F	Thực tiếp/ Offline
5	ATE3.005	Automatic control	Điều khiển tự động	3	36	24	5	7	M	Phan Anh Tuấn	F	Thực tiếp/ Offline
6	ATE3.006	Automobile diagnostics, maintenance and repair F1	Sửa chữa, chẩn đoán và bảo dưỡng ô tô F1	3	36	24	12		M	Phạm Xuân Phương	I	Thực tiếp/ Offline
7	ATE3.020	Automotive electrical systems	Hệ thống điện trên ô tô	3	36	15	21		M	Lê Huệ Tài Minh	F	Thực tiếp/ Offline
8	ATE3.008	Automotive research and development	Nghiên cứu & phát triển ô tô	2	24	10	8	6	M	Phạm Xuân Tùng	F	Thực tiếp/ Offline
9	ATE3.018	Embedded system for automobile	Hệ thống nhúng cho ô tô	3	36	12	24		M	Phạm Xuân Tùng	F	Thực tiếp/ Offline
10	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp	4	64	64			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
11	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
12	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Thực tiếp/ Offline

95



PHỤ LỤC 17: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KHOA HỌC VŨ TRỤ VÀ CÔNG NGHỆ VỆ TINH NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 17: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN SPACE SCIENCE AND SATELLITE TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỆ TINH / Space Science and Technology Faculty / 09/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027 /
Decision on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	SA3.011	Climate Modelling	Mô hình hóa khí hậu	3	36	24	12		M	Ngô Đức Thành	F	Thực tiếp/ Offline
2	SA3.002	Signal and Image processing in space applications	Xử lý tín hiệu và hình ảnh trong vũ trụ ứng dụng	4	48	27		21	M	Vũ Dương	F	Thực tiếp/ Offline
3	SA3.009	Data acquisition & Satellite sensors	Thu nhận dữ liệu và cảm biến vệ tinh	3	36	15	21		M	Vũ Anh Tuấn, Phạm Đức Bình	F	Thực tiếp/ Offline
4	SA3.003	Space System Design I (satellite)	Thiết kế vệ tinh nhân tạo I	3	36	20	16		M	Đỗ Xuân Phong, Nguyễn Tiến Sự	F	Thực tiếp/ Offline
5	SA3.019	Modern Astrophysics	Vật lý thiên văn hiện đại	4	48	30	18		M	Phạm Ngọc Diệp	F	Thực tiếp/ Offline
6	MET3.006	Design 2	Thiết kế 2	3	36	16	20		M	Thái Minh Quân	I	Thực tiếp/ Offline
7	SA3.007	Introduction to Relativity	Thuyết tương đối	2	24	15	9		M	Guillaume Patanchon	I	Thực tiếp/ Offline
8	SA3.005	Particle physics	Vật lý hạt	3	36	24		12	M	Nguyễn Thị Hồng Vân	I	Thực tiếp/ Offline
9	FR3.001	French 3.1	Tiếng Pháp 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
10	FR3.002	French 3.2	Tiếng Pháp 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
11	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	I	Thực tiếp/ Offline

09



PHỤ LỤC 18: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG NĂM HỌC 2026-2027
TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN AERONAUTICAL ENGINEERING IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì I, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	AE3.003	Gas turbine engine	Động cơ tuốc bin khí	3	38	30	8		M	Nguyễn Văn Tăng	F	Trực tiếp/ Offline
2	AE3.038	Safety and Human Factors	An toàn và Nhân tố con người	2	27	27			M	Vũ Kim Khoa	I	Trực tiếp/ Offline
Kỹ thuật vận hành/Operation Engineering												
3	AE3.027	Legal environment of maintenance contracts	Môi trường pháp lý của hợp đồng bảo trì	2	24	24			M	Trần Ánh Hồng	I	Trực tiếp/ Offline
4	AE3.028	Accounting of maintenance projects	Kế toán trong các dự án bảo trì	2	24	24			M	Lê Trà My	I	Trực tiếp/ Offline
5	ATE3.004	Power electronics and applications	Điện tử công suất và ứng dụng	3	36	24	6	6	M	Hoàng Trung Kiên	F	Trực tiếp/ Offline
6	AE3.017	Vibrations	Dao động học	3	30	30			M	Bùi Quang Thành	F	Trực tiếp/ Offline
7	AE3.029	Presentation skills/professional orientation	Kỹ năng thuyết trình/dịnh hướng nghề nghiệp	2	24	24			M	Vũ Thị Thu Hương	I	Trực tiếp/ Offline
8	AE3.030	Airline management	Quản trị hàng không	3	30	30			M	Trần Thị Thái Bình	I	Trực tiếp/ Offline
9	AE3.031	Aviation mass and performance	Khối lượng và hiệu năng máy bay	3	36	36			M	Trần Thị Thái Bình	I	Trực tiếp/ Offline
10	AE3.032	Communication - radio	Liên lạc - vô tuyến	3	36	36			M	Nguyễn Thế Anh	I	Trực tiếp/ Offline
11	AE3.033	Navigation	Điều hướng	3	36	36			M	Nguyễn Đức Hưng	F	Trực tiếp/ Offline
Kỹ thuật bảo trì/Maintenance Engineering												
12	AE3.012	Gas turbine engine 2	Động cơ tuốc bin khí 2	6	140	120	20		M	VAECO	I	Trực tiếp/ Offline
13	AE3.013	Propeller	Cánh quạt	2	26	26			M	VAECO	I	Trực tiếp/ Offline
14	AE3.036	Aeroplane Aerodynamics, structures and systems 2	Khí động lực học máy bay, cấu trúc và hệ thống 2	16	290	250	40		M	VAECO	I	Trực tiếp/ Offline

9



PHỤ LỤC 19: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 19: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF BACHELOR'S B3 PROGRAM IN APPLIED MATHEMATICS IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Đã xem xét và phê duyệt theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì I, năm học 2026-2027.
Approved with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027

STT/ No.	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chi/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	MAT3.001	Data Assimilation	4	40	20		20	M	Đoàn Thái Sơn	I	Thực tiếp/ Offline
2	MAT3.003	Mathematical Finance	4	40	20		20	M	Nguyễn Hoàng Thạch	I	Thực tiếp/ Offline
3	MAT3.004	Machine Learning: Optimization Approach	4	40	20		20	M	Lê Hải Yến	I	Thực tiếp/ Offline
4	MAT3.005	Machine Learning: Statistical Approach	4	40	20		20	M	Cần Văn Hào	I	Thực tiếp/ Offline
5	MAT3.008	Advanced Statistics	3	36	18		18	M	Hồ Đăng Phúc	I	Thực tiếp/ Offline
6	MAT3.009	Multivariate Statistics	3	36	18		18	M	Hồ Đăng Phúc	I	Thực tiếp/ Offline
7	MAT3.006	Group Project	5					M			Thực tiếp/ Offline
8	FR3.001	French 3.1	4	66	66			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
9	FR3.001	French 3.2	3	34	34			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thùy Linh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, GV thỉnh giảng	F+I	Thực tiếp/ Offline
10	MS3.001	Scientific writing and communication	2	24	18		6	O	Đoàn Nhật Quang	F	Thực tiếp/ Offline

19



PHẦN C 20: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 CHƯƠNG TRÌNH SONG BẰNG NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 20: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF THE DOUBLE DEGREE BACHELOR'S B3 PROGRAM IN INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Đã được Hội đồng Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027 phê duyệt. /QĐ-ĐHKHCN ngày 09 / 9 /2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
(Approved with Decision No. 09 / 9 /2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O) Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	ICT3.003	Mobile Application Development	Phát triển ứng dụng di động	4	40	30	10		M	Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vinh Nam	F	Trực tiếp/ Offline
2	ICT3.004	Object-Oriented System Analysis and Design	Phân tích và thiết kế hệ thống hướng đối tượng	4	40	28		12	M	Đỗ Trung Dũng	I	Trực tiếp/ Offline
3	ICT3.005	Web application development	Phát triển ứng dụng Web	4	40	30	10		M	Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vinh Nam	F	Trực tiếp/ Offline
4	ICT3.017	Introduction to Deep Learning	Nhập môn học sâu	3	36	27	9		M	Trần Giang Sơn, Nguyễn Thị Phương	F	Trực tiếp/ Offline
5	ICT3.011	Machine Learning and Data Mining 2	Học máy và khai phá dữ liệu 2	3	36	20	16		M	Đoàn Nhật Quang, Kiều Quốc Việt, Huỳnh Vinh Nam	F	Trực tiếp/ Offline
6	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Đoàn Nhật Quang	F	Trực tiếp/ Offline
7	ICT3.006	Advanced databases	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	31	21	10		O	Huỳnh Vinh Nam, Kiều Quốc Việt	F	Trực tiếp/ Offline
8	ICT3.012	Distributed Systems	Hệ phân tán	3	30	20	10		O	Huỳnh Vinh Nam, Lê Như Chu Hiệp	F	Trực tiếp/ Offline

09



TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHỤ TẠC 21: KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 CHƯƠNG TRÌNH SONG BẰNG NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC - PHÁT TRIỂN THUỐC NĂM HỌC 2026-2027
ANH VĂN VÀ CHẾ PHẨM B3 PROGRAM IN BIOTECHNOLOGY - DRUG DISCOVERY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
CÔNG NGHỆ (Ban hành theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027)
HÀ NỘI, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	BIT3.002	Basic Pharmacology	Dược lý đại cương	4	48	38	10		M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Thị Trang Huyền, Nguyễn Hữu Nghi	F	Trực tiếp/ Offline
2	BIT3.003	Basic Pharmaceutics	Dại cương về Bảo chế thuốc	3	36	20	16		M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Hữu Nghi	F	Trực tiếp/ Offline
3	BIT3.004	Bioinformatics	Tin sinh học	3	36	36			M	Trần Thị Thanh Tâm, Nguyễn Cẩm Linh	F	Trực tiếp/ Offline
4	BIT3.006	Introduction to Medical Biotechnology	Nhập môn Công nghệ Sinh học Y học	3	36	21	15		M	Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Đức Quần, Đào Thị Mai Lan	F	Trực tiếp/ Offline
5	BIT3.007	Protein Engineering	Công nghệ Protein	3	36	24	8	4	M	Mai Thị Phương Nga, Lê Thị Thu Hằng	F	Trực tiếp/ Offline
6	BIT3.009	Introduction to Biopharmaceutical Science	Nhập môn Khoa học sinh được	2	24	24			M	Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	Trực tiếp/ Offline
7	BIT3.019	Metabolic Engineering	Kỹ thuật chuyển hóa	3	36	27		9	M	Trần Tuấn Anh, Tô Thị Mai Hương	F	Trực tiếp/ Offline
9	MST3.003	Biomedical nanotechnology	Công nghệ nano y sinh	3	36	26	10		M	Phạm Văn Nhất, Nguyễn Hồng Vân	F	Trực tiếp/ Offline
8	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Trực tiếp/ Offline
9	FST3.015	Functional food	Thực phẩm chức năng	2	24	17	7		O	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Lê Thanh Hương	F	Trực tiếp/ Offline
10	PHA4.025	Cosmetics	Mỹ phẩm	2	24	14	10		O	Nguyễn Hồng Vân	F	Trực tiếp/ Offline
11	PHA4.009	Biologics	Sinh phẩm	2	24	20	4		O	Đỗ Tuấn Đạt, Trần Thị Thu Phương	F+I	Trực tiếp/ Offline

06



PHỤ LỤC 22: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KÌ 1 NĂM B3 CHƯƠNG TRÌNH SONG BẰNG NGÀNH HÓA HỌC NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 22: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF THE DOUBLE DEGREE BACHELOR'S B3 PROGRAM IN CHEMISTRY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Phụ lục này được ban hành theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kì 1, năm học 2026-2027.
This annex is issued according to Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027.

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	CH3.001	Chemistry of Nanomaterials	Hóa học vật liệu nano	3	36	30		6	M	Nguyễn Thị Quyên	F	Trực tiếp/ Offline
2	CH3.002	Electrochemistry	Điện hóa học	3	36	24	12		M	Nguyễn Ngọc Đức, Eyraud Marielle	F+I	Trực tiếp/ Offline
3	FST2.006	Food Chemistry	Hóa thực phẩm	3	36	26	10		M	Lê Hồng Luyến	F	Trực tiếp/ Offline
4	CH3.016	Chemistry of Natural and Biodegradable Polymers	Hóa học polymer tự nhiên và phân hủy sinh học	2	24	24			M	Nguyễn Đức Anh, Trần Thị Ý Nhi	F+I	Trực tiếp/ Offline
5	CH3.017	Chemistry of Natural products: Bioactive Compounds	Hóa học hợp chất thiên nhiên	2	24	24			M	Tô Hải Tùng	F	Trực tiếp/ Offline
6	CH2.018	Solid State Chemistry	Hóa học chất rắn	2	24	24			M	Lê Thị Lý, Virginie Viallet	F+I	Trực tiếp/ Offline
7	CH2.009	Project-based course 1	Dự án 1	3	36	24	12		M	Lê Thị Lý	F	Trực tiếp/ Offline
8	CH3.018	Catalysis	Xúc tác	2	24	24			M	Nguyễn Ngọc Đức	F	Trực tiếp/ Offline
9	CH3.008	Chemistry of Materials in Energy Conversion and Storage 2	Hóa học vật liệu ứng dụng trong chuyển hóa và tích trữ năng lượng 2	3	36	30		6	M	Nguyễn Ngọc Đức	F	Trực tiếp/ Offline
10	CH2.016	Polymer Chemistry	Hóa học Polymer	3	36	24		12	M	Nguyễn Đức Anh	F	Trực tiếp/ Offline
11	CH3.019	Chemistry of Surfactants and Formulation of Life Products	Hóa học chất hoạt động bề mặt	2	24	24			M	Nguyễn Đức Anh	F	Trực tiếp/ Offline
12	AES2.041	Green Chemistry	Hóa học xanh	3	36	20	12	4	M	Lê Phương Thu, Nguyễn Thu Phương	F	Trực tiếp/ Offline
13	MS3.001	Scientific Writing and Communication	Phương pháp viết bài báo khoa học	2	24	18		6	O	Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 23: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KỲ 1 NĂM BỒI DƯỠNG TIẾNG ANH (B0) CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 23: TEACHING PLAN OF THE FIRST SEMESTER OF THE PREPARATION YEAR (B0) OF BACHELOR'S PROGRAM IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Ban biên soạn kèm theo Quyết định số 638/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/9/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội học kỳ 1, năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 638/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 9, 2026 on approving the Teaching plan of bachelor's programs of University of Science and Technology of Hanoi for the first semester of the academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	ENG0.017	English 1A	Tiếng Anh 1A	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
2	ENG0.018	English 1B	Tiếng Anh 1B	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
3	ENG0.019	English 1C	Tiếng Anh 1C	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
4	ENG0.020	English 1D	Tiếng Anh 1D	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
5	ENG0.021	English 2A	Tiếng Anh 2A	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
6	ENG0.022	English 2B	Tiếng Anh 2B	3	33	33			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
7	ENG0.023	English 2C	Tiếng Anh 2C	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
8	ENG0.024	English 2D	Tiếng Anh 2D	3	33	33			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
9	ENG0.025	English 3A	Tiếng Anh 3A	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
10	ENG0.026	English 3B	Tiếng Anh 3B	3	33	33			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
11	ENG0.027	English 3C	Tiếng Anh 3C	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
12	ENG0.028	English 3D	Tiếng Anh 3D	3	33	33			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
13	ENG0.029	English 4A	Tiếng Anh 4A	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
14	ENG0.030	English 4B	Tiếng Anh 4B	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
15	ENG0.031	English 4C	Tiếng Anh 4C	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline
16	ENG0.032	English 4D	Tiếng Anh 4D	4	44	44			Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Anh, Châu Hoàng Phương Thảo, GV thỉnh giảng	F+I	Trực tiếp/ Offline



STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chi/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
17	MAT1.102	Linear Algebra	Đại số tuyến tính	4	48	24		24	Đào Quang Đức, Tô Duy Quang, Nguyễn Mai Chung, Phạm Hữu Thuận	F+I	Trực tiếp/ Offline
18	ICT1.101	Introduction to Informatics	Tin học cơ sở	3	36	21	15		Phan Thanh Hiền, Vũ Tuấn Anh, Phạm Đức Bình, Nguyễn Xuân Thành, Trần Anh Tú, Nguyễn Quốc Sơn, Phạm Lê Anh, Trịnh Bích Ngọc, Nguyễn Cẩm Linh, Nguyễn Lê Dũng	F	Trực tiếp/ Offline
19	BI01.102	Genetics	Di truyền học	3	36	21	5	10	Nguyễn Thy Ngọc	F	Trực tiếp/ Offline
20	CHE1.101	General chemistry 1	Hóa đại cương I	4	48	30		18	Trần Đình Phong, Nguyễn Thị Quyên, Phạm Thị Phương Thảo, Bùi Thị Hoa	F+I	Trực tiếp/ Offline

